ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 16 /2015/QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 26 tháng 3 năm 2015*

SỞ XÂY DỰNG
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 355
- Chuyển:
1. GĐ Ngôn
2. PGĐ Hoàng
3. PGĐ Minh
4. Văn phòng
5. P. KTQHXD
6. P. HTKT
7. P. QLN-BĐS
8. P. QLHĐXD
9. P. KT-VLXD
10. Thanh Tra XD
11. TT. QHKDXD
12. Chi bộ
13. Công đoàn
14. Lưu
- Thực Hiện:
Ngày: 30/3/2015
Lãnh Đạo:

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định phân cấp quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Luật Viễn thông năm 2009;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;

Căn cứ Luật Điện lực năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quản lý không gian ngầm đô thị;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ Xây dựng - Bộ Công Thương - Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng - Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 389/TTr-SXD ngày 20 tháng 3 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, tổ chức có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Công Thương, Giao thông Vận tải, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Hùng

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

Trung_QD_Su dung chung HTKT do thi

H 906.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Phân cấp quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 16 /2015/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phân cấp quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị và khuyến khích áp dụng đối với khu vực ngoài đô thị trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo phân cấp quản lý và các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải được xác định trong quy hoạch đô thị; được đầu tư, xây dựng theo quy hoạch để đảm bảo tính đồng bộ, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên đất, tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng, bảo đảm cảnh quan và môi trường; các yêu cầu về an ninh, quốc phòng và định hướng phát triển lâu dài.

2. Tổ chức, cá nhân sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có trách nhiệm tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân có đường dây, cáp và đường ống bố trí vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đã xây dựng theo quy định.

3. Chủ đầu tư các đô thị mới, khu đô thị mới có trách nhiệm đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung để bố trí, lắp đặt các đường dây, cáp và đường ống kỹ thuật theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Các tổ chức, cá nhân có đường dây, cáp và đường ống lắp đặt mới có trách nhiệm bố trí vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đã được xây dựng.

5. Việc lắp đặt, bố trí các đường dây, cáp và đường ống mới vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đã xây dựng phải có các giải pháp bảo đảm sự hoạt động bình thường của hệ thống đã có.

6. Các loại đường dây, cáp và đường ống được bố trí, lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải có dấu hiệu nhận biết theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 72/2012/NĐ-CP) và Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27/12/2013 của Bộ Xây dựng - Bộ Công Thương - Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

7. Việc quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; các quy định về kỹ thuật; bảo đảm an toàn, mỹ quan đô thị và được thực hiện thông qua hợp đồng quy định tại Khoản 4 Điều 7 của Quy định này.

8. Việc phân loại và cấp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được thực hiện theo quy định hiện hành.

9. Các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung sau khi xây dựng hoàn thành phải được lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.

10. Đối với khu vực ngoài đô thị, khi thực hiện đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải tuân thủ theo quy hoạch xây dựng được duyệt gồm: Quy hoạch khu chức năng đặc thù, quy hoạch nông thôn.

Chương II
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT SỬ DỤNG CHUNG

Điều 4. Yêu cầu đối với công tác quy hoạch

1. Quy hoạch xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung là một nội dung của đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và được lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

2. Quy hoạch đô thị phải xác định công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung (hướng tuyến, vị trí và quy mô) để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong quản lý đầu tư xây dựng.

3. Đối với các đô thị đã có quy hoạch được duyệt nhưng chưa có các nội dung được quy định tại các Khoản 2, 3, 4, 6 Điều 7 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP phải điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện điều chỉnh quy hoạch. Trường hợp đô thị chưa có quy hoạch xây dựng được phê duyệt, khi đầu tư xây dựng phải có ý kiến thỏa thuận của cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch tại địa phương.

4. Đối với các đô thị hiện hữu, trên cơ sở khảo sát đánh giá công trình hạ tầng kỹ thuật hiện có, đề xuất giải pháp cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới nhằm bảo đảm tính kế thừa, đáp ứng nhu cầu sử dụng chung trong khu vực quy hoạch.

Điều 5. Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Đầu tư phát triển xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

a) Đối với các đô thị mới và khu đô thị mới chủ đầu tư có trách nhiệm đầu tư xây dựng đồng bộ công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt;

b) Đối với các đô thị hiện hữu, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đô thị trong phạm vi quản lý;

c) Đối với các khu vực khác, khuyến khích đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung nhằm đảm bảo kết nối, khả năng khai thác, sử dụng thuận lợi và an toàn;

d) Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo các hình thức đầu tư phù hợp. Không khuyến khích việc đầu tư, xây dựng cho những dự án, công trình xây dựng hệ thống đường dây, cáp và đường ống dùng riêng cho từng tổ chức, doanh nghiệp hoặc cá nhân khác.

2. Nguồn vốn đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung áp dụng theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

Điều 6. Quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

a) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh theo phân cấp quản lý là chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung bao gồm: Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách địa phương; nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung sau khi hết thời hạn quản lý khai thác theo quy định;

b) Các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng đô thị mới, khu đô thị mới là chủ sở hữu, quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đến khi bàn giao cho địa phương quản lý theo quy định;

c) Các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung do mình bỏ vốn đầu tư xây dựng đến khi bàn giao cho địa phương quản lý theo quy định;

d) Các chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải tuân thủ các quy định về quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật theo Quy định này.

2. Việc sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật thực hiện theo quy định tại các Điều 12, 13, 14 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

3. Lựa chọn đơn vị quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

4. Hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật

a) Việc quản lý vận hành các công trình sau đây được thực hiện thông qua hợp đồng quản lý vận hành được ký kết giữa chủ sở hữu với đơn vị quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung: Cột ăng ten, cột treo cáp (dây dẫn), cống cáp, hào và tuy nen kỹ thuật;

b) Việc sử dụng chung các công trình sau đây được thực hiện thông qua hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật được ký kết giữa chủ sở hữu hoặc đơn vị quản lý vận hành được chủ sở hữu ủy quyền với tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng: Cột ăng ten, cột treo cáp (dây dẫn), cống cáp, hào và tuy nen kỹ thuật, cống ngầm và cầu đường bộ;

c) Mẫu hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2013/TT-BXD ngày 02/4/2013 của Bộ Xây dựng ban hành mẫu hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

5. Giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

Nguyên tắc xác định giá và quản lý giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được quy định tại Điều 18 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 của Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng - Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Chương III
PHÂN CẤP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ SỬ DỤNG CHUNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Điều 7. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh

1. Sở Xây dựng

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh:

a) Tổ chức phổ biến và triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh;

b) Tổ chức lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch chuyên ngành xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh;

c) Cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định hiện hành;

d) Hướng dẫn lựa chọn đơn vị quản lý vận hành, hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

đ) Hướng dẫn, tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý và đề nghị xử lý theo thẩm quyền các vi phạm về quản lý, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền;

e) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức giải quyết các tranh chấp về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

g) Chủ trì tiếp nhận thông tin phản ánh về các trường hợp xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung không đúng quy định, không đảm bảo an toàn; các sự cố về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung để kịp thời phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan khắc phục và xử lý theo quy định;

h) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố lập danh mục các tuyến đường trong các đô thị cần phải xây dựng sửa chữa, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

i) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện công tác bảo trì của chủ sở hữu hoặc chủ quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo phân cấp quản lý;

k) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn hướng dẫn việc đánh dấu dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

l) Phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong việc hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quy định pháp luật về quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

m) Tổng hợp, lưu trữ cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh; báo cáo tình hình quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật cho Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng theo quy định.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan truyền thông tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Quy định này trên các phương tiện thông tin đại chúng để các tổ chức, cá nhân biết và thực hiện;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố kiểm tra việc tuân thủ theo các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chuyên ngành bưu chính viễn thông của các đơn vị thi công, xây dựng hệ thống công trình đường dây, đường cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông, truyền hình cáp... thực hiện đúng các quy định về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh;

d) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

3. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố kiểm tra việc tuân thủ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành điện của các đơn vị quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống các công trình đường dây tải điện trên địa bàn tỉnh;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn Công ty Điện lực Tây Ninh và vận động các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác hệ thống cột điện lực cho doanh nghiệp viễn thông sử dụng chung cột điện lực để lắp đặt cáp, dây thuê bao và các thiết bị viễn thông theo quy hoạch.

4. Sở Giao thông Vận tải

Trong phạm vi các công trình được phân cấp quản lý:

a) Phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện quản lý nhà nước về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên các công trình này;

b) Cung cấp thông tin và các tài liệu có liên quan đến lộ giới, hiện trạng các tuyến đường cho cơ quan cấp phép, làm căn cứ cho việc cấp phép xây dựng và thỏa thuận tuyến các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên các công trình này;

c) Khi triển khai cải tạo, nâng cấp các công trình phải thông báo cho các tổ chức, đơn vị có công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên các công trình biết, phối hợp di dời.

5. Sở Tài chính

a) Chủ trì xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định để áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với sở, ngành liên quan tổ chức hiệp thương giá theo quy định pháp luật về quản lý giá trong trường hợp tổ chức, cá nhân cho thuê (đầu tư ngoài ngân sách nhà nước) và tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng không thỏa thuận được giá thuê.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các sở, ngành liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch phân bổ vốn để xây dựng mới công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung; kinh phí cải tạo, sắp xếp lại các công trình đường dây, cáp và đường ống vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ và ưu đãi, khuyến khích các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực theo quy định của pháp luật; chính sách huy động các nguồn vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế khác tham gia đầu tư xây dựng, quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh.

7. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

a) Thực hiện quản lý hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi quản lý gồm: Đô thị cửa khẩu Xa Mát, Đô thị Mộc Bài theo quy hoạch được phê duyệt;

b) Thỏa thuận đấu nối các công trình hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi quản lý đối với công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung ngoài hàng rào theo quy định;

c) Cấp giấy phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi quản lý;

d) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý và đề nghị xử lý theo thẩm quyền các vi phạm về xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi quản lý;

đ) Tiếp nhận thông tin phản ánh về các trường hợp xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi quản lý;

e) Tổng hợp, lưu trữ cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin về các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi quản lý; báo cáo về hiện trạng và tình hình quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi quản lý theo định kỳ trước ngày 10 tháng 12 hàng năm cho Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện việc quản lý nhà nước về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ trên địa bàn quản lý.

2. Xác định hướng tuyến, số lượng, vị trí, quy mô công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đối với các đồ án quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt.

3. Khi tổ chức triển khai cải tạo, nâng cấp các tuyến đường phải thông báo cho các tổ chức, đơn vị có công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung dọc tuyến biết, phối hợp di dời.

4. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, phối hợp kiểm tra các hoạt động xây dựng quản lý khai thác và sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn quản lý; kiểm tra và xử lý vi phạm quy định về quản lý sử dụng chung công trình kỹ thuật thuộc địa bàn quản lý theo thẩm quyền.

5. Quản lý hồ sơ thiết kế và hồ sơ hoàn thành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung; cung cấp thông tin về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu theo quy định của pháp luật.

6. Cấp giấy phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thuộc địa giới hành chính trong phạm vi quản lý theo quy định phân cấp hiện hành.

7. Tổng hợp, báo cáo về hiện trạng và tình hình quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn quản lý theo định kỳ trước ngày 10 tháng 12 hàng năm cho Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

Điều 9. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Tổ chức, cá nhân khi xây dựng, lắp đặt các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải chấp hành nghiêm các quy định của Nhà nước về quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung; phải được cấp có thẩm quyền cấp phép theo quy định về cấp phép xây dựng và phải thực hiện đúng nội dung ghi trong giấy phép, trừ trường hợp được miễn giấy phép theo quy định của pháp luật.

2. Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị, chủ đầu tư các đô thị, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới khi tổ chức lập quy hoạch, thiết kế và thi công xây dựng các công trình phải thực hiện việc bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo Quy định này và các quy định liên quan khác; gắn kết đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật của các khu vực lân cận theo hướng hiện đại, phát triển lâu dài và đảm bảo mỹ quan.

3. Chủ đầu tư, chủ sở hữu các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung sau khi đưa vào khai thác sử dụng, phải thực hiện duy tu, bảo trì các công trình theo quy định, đảm bảo an toàn khi vận hành, mỹ quan và vệ sinh môi trường.

4. Trách nhiệm và quyền hạn của chủ sở hữu, đơn vị quản lý vận hành và tổ chức, cá nhân tham gia sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật được quy định tại các Điều 19, 20, 21 của Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

5. Chủ đầu tư có trách nhiệm bàn giao hồ sơ hoàn công công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung sau khi đã tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình cho cơ quan quản lý Nhà nước.

6. Chủ sở hữu hoặc đơn vị quản lý sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

b) Thực hiện bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo chỉ dẫn và quy định của nhà thầu thiết kế, nhà thầu cung ứng vật tư, thiết bị công nghệ, thiết bị công trình và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng công trình xây dựng bị xuống cấp do không thực hiện quy trình bảo trì công trình theo quy định;

d) Báo cáo định kỳ về công tác bảo trì và tình hình hoạt động của công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung cho cơ quan quản lý Nhà nước theo phân cấp.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Các nội dung khác về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật không có trong Quy định này được thực hiện theo các Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc; có nội dung cần sửa đổi, bổ sung, đề nghị các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Xây dựng để được hướng dẫn và giải quyết theo thẩm quyền. Nếu vượt thẩm quyền thì Sở Xây dựng tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Hùng